TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-PT
Ngày 21-3-2024
V/v Tranh chấp về hụi, họ, biêu, phường

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thành

Các Thẩm phán: - Ông Vũ Duy Luân

- Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp về hụi, họ, biêu, phường"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Song H**, sinh năm 1942

Địa chỉ: Thôn Đ, xã HV, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Song H: Ông **Vũ Ngọc T** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Minh B**, sinh năm 1947

Địa chỉ: Thôn Đ, xã HV, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Minh B: Bà **Nguyễn Thị H1** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Lương Thị T**, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn Đ, xã HV, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

+ Ông **Phạm Minh M**, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn Đ, xã HV, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

- *Người kháng cáo*: Ông **Nguyễn Minh B** - Bị đơn.

(Có mặt ông H, ông Trịnh, ông B, bà Hằng, ông M; bà T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - ông Nguyễn Song H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H trình bày:* Tháng 12/2014, ông Nguyễn Song H thành lập tổ phường gồm 04 thành viên, trong đó ông H là tổ trưởng cùng với chị Nguyễn Thị Thanh Hoa (con gái ông H), ông Phạm Minh M và ông Nguyễn Minh B. Tổ phường chơi phường với mục đích hỗ trợ nhau tiết kiệm, tổ trưởng không được hưởng phần trăm. Ban đầu chị Hoa ghi tên tham gia chơi phường nhưng sau đó không giam gia được nên bà Lương Thị T (vợ ông H) đã chơi thay suất phường của chị Hoa. Về hình thức chơi, mỗi thành viên của tổ phường đóng số tiền 2.000.000 đồng/1 tháng và quy định cứ mỗi đợt là 04 tháng và cứ 04 đợt là hết 01 vòng. Hàng tháng các thành viên nộp tiền phường cho tổ trưởng là ông H. Ngay sau khi thu đủ tiền phường của các thành viên thì ông H đến nhà thành viên được nhận tiền tháng đó để giao tiền, hai bên giao nhận tiền và ký vào 01 cuốn sổ ghi chép do ông H lập. Ngoài ra, tại mỗi một vòng phường, ông H còn lập và giao cho mỗi thành viên 01 cuốn sổ nhỏ để theo dõi việc lĩnh tiền phường của chính thành viên đó. Theo sự thống nhất của các thành viên thì người nào lấy phường tháng đầu tiên của đợt này thì sẽ lấy phường tháng cuối cùng của đợt sau; người nào lấy phường tháng cuối cùng của đợt này thì sẽ lấy phường vào đầu của đợt 1, đợt 3 và tháng cuối của đợt 2, đợt 4 của từng vòng; ông B luôn là người lấy tiền phường vào cuối tháng của đợt 1, đợt 3 và tháng đầu của đợt 2, đợt 4 của từng vòng; còn bà T và ông M lấy phường vào các tháng giữa của từng đợt. Cứ như vậy từ tháng 12/2014 đến tháng 7/2021, tổ phường đã chơi được 05 vòng. Cụ thể: Vòng 1 từ tháng 12/2014 đến tháng 3/2016; vòng 02 từ tháng 4/2016 đến tháng 7/2017; vòng 3 từ tháng 8/2017 đến tháng 11/2018; vòng 4 từ tháng 12/2018 đến tháng 3/2020;

vòng 5 từ tháng 4/2020 đến tháng 7/2021. Trong 05 vòng chơi các thành viên trong tổ phường đều không ai có khúc mắc, tranh chấp gì.

Như vậy vòng 6 sẽ bắt đầu từ tháng 8/2021 đến tháng 11/2022 là kết thúc. Trong vòng 6, ông B đã được nhận tổng số tiền phường của 4 đợt là 24.000.000 đồng, mỗi lần được nhận là 6.000.000 đồng (trừ suất của ông B), cụ thể vào các tháng 11/2021, tháng 12/2021, tháng 7/2022 và tháng 8/2022. Ông H và ông B đã giao nhận tiền đầy đủ và ký sổ theo dõi. Đến tháng 8/2022, sau khi nhận tiền phường thì ông B không chơi phường, không đóng tiền phường nữa với lý do là ông B đã nộp đủ và thu đủ số tiền ông B đóng phường nên không trả cho ai hết. Ông H đã giải thích với ông B đây là đợt cuối cùng của vòng, sau ông B còn 03 thành viên nữa, nếu ông B không chơi nữa thì ông B vẫn phải đóng 6.000.000 đồng cho ông H để ông H trả lại cho các thành viên còn lại nhưng ông B vẫn không nghe. Nay ông H đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông B phải trả cho ông H số tiền phường còn phải đóng là 6.000.000 đồng (gồm 3 suất phường của ông H, bà T và ông M). Ông H không yêu cầu tiền lãi của số tiền này.

** Bị đơn - ông Nguyễn Minh B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B trình bày*:

Tổ phường ông B tham gia chơi gồm 4 thành viên như ông H trình bày là đúng nhưng theo ông B thời điểm ông B chơi phường từ tháng 9/2016, không phải từ tháng 12/2014 như ông H, ông M và bà T trình bày. Ngay từ khi chơi, mỗi tháng ông H thu của ông B 2.000.000 đồng tiền phường và thu liên tục trong vòng 6 tháng. Sau khi đóng phường 6 tháng thì ông B được lĩnh phường liên tục 02 tháng tiếp theo, mỗi tháng ông B được lĩnh 6.000.000 đồng. Như thế từ tháng 02/2022 đến tháng 6/2022, mỗi tháng ông B nộp cho ông H 2.000.000 đồng, tổng là 12.000.000 đồng. Đến tháng 7/2022, ông H đến trả cho ông B 6.000.000 đồng, tháng 8/2022 ông H đến trả cho ông B 6.000.000 đồng, ông B đã thu về đủ 12.000.000 đồng, đúng bằng số tiền ông B đã đóng nộp cho ông H nên ông B không chơi nữa thì cũng xong nghĩa vụ, không phải đóng tiền cho ông H để trả cho ai khác. Ngoài ra ông B cho rằng ông H tách riêng ông B là 6 tháng 1 vòng, còn ông H, ông M, bà T là 3 tháng 1 vòng là không có lợi cho ông B, nhưng chưa lần nào ông B có ý kiến với ông H và các thành viên tổ phường. Ông B xác định các tháng được nhận phường ghi trong 02 quyển sổ do ông H cung cấp cho Tòa án là đúng. Khi ông B được lĩnh tiền phường thì ông B có ký nhận vào các cuốn sổ của ông H và ông H có giao cho mỗi thành viên tổ phường 1 cuốn sổ nhỏ để theo dõi, sau khi hết vòng đó thì ông H thu lại cuốn sổ nhỏ nên hiện tại ông B chỉ còn giữ cuốn sổ nhỏ theo dõi phường của năm 2022 mà ông B đã nộp cho Tòa án. Nay ông B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Minh M và bà Lương Thị T*: Ông M và bà T đều xác định lời khai của ông Nguyễn Song H là đúng và lời trình bày của ông Nguyễn Minh B là không chính xác. Ông M, bà T đều đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đối với ông B. Bà T, ông M và ông H sẽ tự giải quyết với nhau về số tiền bà T và ông M đã nộp cho ông H.

* Bản kết luận giám định số 1440/KL-KTHS ngày 23/10/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: "*Chữ viết "đã nhận 6.000.000 đồng" tại trang thứ 2 (đóng dấu bút lục số 63) ký hiệu A1 và chữa viết "B" tại dòng thứ 4, thứ 5, thứ 9, thứ 10, thứ 11, thứ 12 (chữ trong ngoặc đơn) của trang thứ 3 (đóng dấu bút lục số 62) ký hiệu A2 trong quyển sổ theo dõi tổ tiết kiệm so với chữ viết "Nguyễn Minh B" dưới các mục "Người nhận Tiền Ký", "Người giao Tiền Ký", "người giao ký", "người giao Tiền Ký", "người giao", "Người nhận Tiền Ký tên", "Người giao Tiền", "Người giao tiền Ký", "người nhận Tiền Ký", "Người Nộp Tiền Ký", "Người nhận Tiền fường Ký" từ trang thứ 11 đến trang thứ 60 (đóng dấu bút lục từ số 58 đến số 34" ký hiệu từ M1 đến M35 trong quyển sổ theo dõi tổ tiết kiệm và chữ viết của ông Nguyễn Minh B trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M36 đến M41 do cùng một người viết ra*".

Bản án số 14/2023/DS-ST ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về "Họ, hụi, biêu, phường"; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Song H. Buộc ông Nguyễn Minh B phải trả cho ông Nguyễn Song H số tiền phường 6.000.000 đồng (gồm 03 suất phường của ông Nguyễn Song H, bà Lưu Thị T và ông Nguyễn Minh M).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/12/2023, ông Nguyễn Minh B kháng cáo không đồng ý trả cho ông Nguyễn Song H số tiền phường là 6.000.000 đồng (gồm 3 suất phường của ông Nguyễn Song H, bà Lương Thị T và ông Nguyễn Minh M).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo

đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh B. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

* Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh B thấy:

[1.1] Các đương sự đều thống nhất tổ phường gồm 4 thành viên do ông H là tổ trưởng. Tổ trưởng tổ phường không được hưởng phần trăm, chơi phường với mục đích hỗ trợ nhau tiết kiệm và phường chơi liên tục, mỗi tháng một thành viên đóng số tiền 2.000.000 đồng cho ông H, sau đó ông H trực tiếp mang tiền đến nhà thành viên được nhận tiền phường tháng đó để giao tiền, ông H và thành viên được nhận tiền phường ký vào sổ theo dõi của ông H và ông H còn giao cho mỗi thành viên 01 sổ nhỏ để theo dõi lĩnh tiền phường. Tháng 7/2022 và tháng 8/2022, ông B là người lĩnh tiền phường mỗi tháng 6 triệu đồng, sau đó ông B không chơi nữa.

[1.2] Ông B kháng cáo cho rằng tổ phường bắt đầu chơi từ tháng 9/2016, lấy mốc đó để làm căn cứ tính việc ông B đóng phường liên tục trong 6 tháng rồi nhận 2 tháng phường liên tiếp sau đó cho rằng thời điểm tháng 7/2022, tháng 8/2022 ông B đã nhận tiền phường nên phường đã kết thúc và ông B không chơi nữa, không có nghĩa vụ với ông H, ông M, bà T, tuy nhiên đến nay ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thời điểm chơi phường vào tháng 9/2016.

[1.3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tài liệu do nguyên đơn cung cấp như sổ theo dõi tổ tiết kiệm của nguyên đơn, sổ theo dõi lĩnh tiền phường nguyên đơn phát cho bị đơn, xác định: Tổ phường gồm 4 người chơi được chơi theo vòng, mỗi vòng được chia làm 4 đợt, mỗi đợt là 4 tháng và mỗi tháng của một đợt sẽ có 1 thành viên được lĩnh phường và ông B luôn là người lấy tiền phường vào tháng cuối của đợt 1, đợt 3 và tháng đầu của đợt 2, đợt 4 của từng vòng. Phường được chơi từ tháng 12/2014, đã xong 5 vòng và bước sang đợt 4 của vòng 6. Bản kết luận giám định đã kết luận chữ ký, chữ viết của ông

Nguyễn Minh B có trong hồ sơ theo dõi tổ tiết kiệm của ông Nguyễn Song H nên có cơ sở để xác định việc ông B đã nộp và lĩnh tiền phường trước tháng 9/2016. Ông B cũng không có ý kiến gì đối với cuốn sổ nhỏ theo dõi lĩnh phường của vòng 5, vòng 6 mà ông H giao cho ông B có ghi cụ thể từng người lấy phường của từng đợt. Tại sổ theo dõi tổ tiết kiệm còn thể hiện "Ngày 16/3/2017, tại nhà ông B, ông H giao tiền phường tháng 3 cho ông B, tổng số tiền ông B lĩnh trừ chân nhà (suất của nhà) phải đóng, ông B đã ký và nhận số tiền 6.000.000 đồng".

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông H buộc ông B phải trả cho ông H số tiền phường 6.000.000 đồng (gồm 3 suất phường của ông H, bà T, ông M) là có căn cứ.

[2] Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh B, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh B không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ông B là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Minh B; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Song H. Buộc ông Nguyễn Minh B phải trả cho ông Nguyễn Song H số tiền phường 6.000.000 đồng (gồm 03 suất phường của ông Nguyễn Song H, bà Lương Thị T và ông Nguyễn Minh M).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Minh B.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 21/3/2024.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, VKS, THADS h. ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Thành